

TỔNG CÔNG TY ĐƯỜNG SẮT VIỆT NAM
CÔNG TY VẬN TẢI HÀNH KHÁCH ĐƯỜNG SẮT HÀ NỘI
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 - 5
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	6 - 7
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	8
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	9
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	10 - 36
Phụ lục 01: BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TRƯỚC VÀ SAU ĐIỀU CHỈNH (HOẠT ĐỘNG VẬN TẢI)	37
Phụ lục 02: BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TRƯỚC VÀ SAU ĐIỀU CHỈNH (HOẠT ĐỘNG NGOÀI VẬN TẢI)	38



BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Vận tải Hành khách Đường sắt Hà Nội (sau đây gọi tắt là “Công ty”) đệ trình Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013.

BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm 2013 và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Ban Giám đốc

Ông Nguyễn Văn Chung	Tổng Giám đốc
Ông Trần Gia Tiến	Phó Tổng Giám đốc
Ông Phan Huy Giang	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Bình	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Viết Hiệp	Phó Tổng Giám đốc

Kế toán trưởng

Ông Hồ Minh Châu

SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty khẳng định rằng, ngoài nội dung đã nêu tại Thuyết minh số 32.1 trong phần Thuyết minh báo cáo tài chính, không có bất cứ sự kiện quan trọng nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính có ảnh hưởng trọng yếu, yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính kèm theo.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính kèm theo được kiểm toán bởi Công ty TNHH Dịch vụ Kiểm toán và Tư vấn UHY (UHY).

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.


Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

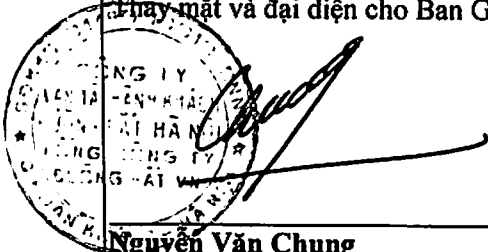
TÔNG CÔNG TY ĐƯỜNG SẮT VIỆT NAM
CÔNG TY VẬN TẢI HÀNH KHÁCH ĐƯỜNG SẮT HÀ NỘI
Số 120 Lê Duẩn, quận Hoàn kiếm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP)

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Việt Nam và các Quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc, 



Nguyễn Văn Chung

Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 02 tháng 06 năm 2014

Số: 264 /2014/UHY-BCKT

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**Kính gửi: Hội đồng Thành viên và Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam;
Ban Giám đốc Công ty Vận tải Hành khách Đường sắt Hà Nội**

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013 của Công ty Vận tải Hành khách Đường sắt Hà Nội (sau đây gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 02/06/2014, từ trang 06 đến trang 36 bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2013, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Do được bổ nhiệm làm kiểm toán viên cho Công ty sau ngày 31/12/2013 nên chúng tôi không thể tham gia chứng kiến công việc kiểm kê tiền mặt, hàng tồn kho và tài sản cố định tại ngày 31/12/2013 của Công ty, các thủ tục kiểm toán thay thế không đủ cơ sở để chúng tôi đánh giá được tính hiện hữu của các khoản mục này trên Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2013 của Công ty.

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 24 và 25 - phần Thuyết minh Báo cáo tài chính, khi lập Báo cáo tài chính toàn Công ty, Công ty chưa bù trừ các khoản doanh thu và chi phí ngoài vận doanh giữa các đơn vị hạch toán phụ thuộc của Công ty. Do đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến nhận xét về mức độ ảnh hưởng của việc này đến các chỉ tiêu doanh thu, chi phí và công nợ nội bộ có liên quan trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013 của Công ty.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP)

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ (tiếp)

Do tính đặc thù trong tổ chức hạch toán kế toán của ngành nên các chỉ tiêu của Báo cáo lưu chuyển tiền tệ của Công ty được lập chưa phù hợp với hướng dẫn lập báo cáo lưu chuyển tiền tệ tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 24 – Báo cáo lưu chuyển tiền tệ. Do vậy, chúng tôi không đưa ra ý kiến nhận xét về tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013.

Như đã trình bày tại thuyết minh số 4.9 và số 14 - phần Thuyết minh báo cáo tài chính, Công ty đang phản ánh khoản tiền chuyển thay cho Liên hiệp Đường sắt Việt Nam (nay là Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam) trên tài khoản góp vốn liên doanh, với giá trị 1.735.403.400 đồng về việc góp vốn của Liên hiệp Đường sắt Việt Nam vào Công ty Liên doanh Đường sắt Việt Nam MINZR phát sinh từ năm 1996, mà không ghi nhận như một khoản phải thu nội bộ với Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam. Hiện nay, Liên doanh này đã giải thể nhưng các bên có liên quan chưa giải quyết được các vấn đề phát sinh trong việc giải thể liên doanh.

Thực hiện theo chỉ đạo tại Công văn số 639/ĐS - KĐVT ngày 26/03/2014 của Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam về việc “Hướng dẫn thu chi sản xuất kinh doanh vận tải năm 2013”, năm 2013, Công ty đã thực hiện ghi nhận doanh thu chưa thực hiện là tiền bán vé tàu thu được trong năm 2013 nhưng thực hiện vận chuyển năm 2014 là: 65.146.000.000 đồng. Chúng tôi không thu thập được các bằng chứng kiểm toán đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho việc đưa ý kiến nhận xét về giá trị khoản doanh thu ghi nhận trước này cũng như ảnh hưởng của việc ghi nhận này tới các khoản mục khác có liên quan được trình bày trên báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013 của Công ty.

Như đã trình bày tại thuyết minh số 4.5 và số 13 trong phần Thuyết minh Báo cáo tài chính, theo Công văn số 1088/KHN - TCKT ngày 24/07/2013 về việc “Hướng dẫn thực hiện Thông tư số 45/2013/TT - BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính về hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định” của Công ty Vận tải Hành khách Đường sắt Hà Nội, đối với các tài sản là nhà cửa, vật kiến trúc có liên quan đến quản lý đất đai tạm thời chưa điều chỉnh giảm Tài sản cố định theo Thông tư số 45/2013/TT - BTC. Theo đó, tại ngày 31/12/2013, tổng nguyên giá và khấu hao lũy kế của nhà cửa, vật kiến trúc của toàn Công ty có nguyên giá nhỏ hơn 30 triệu chưa được ghi giảm theo Thông tư 45/2013/TT - BTC với giá trị lần lượt là: 3.007.825.325 đồng và 2.687.367.201 đồng.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Vận tải Hành khách Đường sắt Hà Nội tại ngày 31/12/2013, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 4.4 và số 07 trong phần Thuyết minh Báo cáo tài chính, năm 2013, thực hiện theo yêu cầu của “Đoàn kiểm tra Doanh thu, chi phí và các khoản thu nộp năm 2012, 2013 tại Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam” của Bộ Giao thông Vận tải, Công ty đã thực hiện trích lập dự phòng 100% giá trị các khoản phải thu khó đòi với tổng giá trị 1.370.511.286 đồng, trong đó có 953.240.000 đồng là giá trị của các khoản công nợ phải thu khó đòi có đối chiếu, xác nhận công nợ từ các năm 2009 và 2010 mà chưa có đối chiếu, xác nhận công nợ tại ngày 31/12/2013.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP)

Vấn đề cần nhấn mạnh (tiếp)

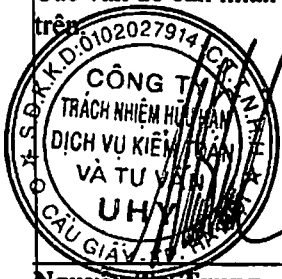
Như đã trình bày tại thuyết minh số 28 trong phần Thuyết minh Báo cáo tài chính, năm 2013, Công ty đã thực hiện xử lý tài chính các khoản công nợ không có khả năng thu hồi với tổng giá trị là: 105.941.710 đồng. Bao gồm:

Khoản ứng tiền trước cho nhà cung cấp là Văn phòng Tư vấn Thiết kế Hồ Thiệu Trị cho Dự án: “Tôn tạo Kiến trúc Ga A - Hà Nội” với số tiền 34.000.000 đồng. Hồ sơ xử lý tài chính khoản công nợ tới thời điểm phát hành Báo cáo này bao gồm: Hợp đồng giao thầu ngày 24/12/2001 giữa Xí nghiệp Liên hợp Vận tải Đường sắt Khu vực 1 (nay là Công ty Vận tải Hành khách Đường sắt Hà Nội) và Văn phòng Tư vấn Thiết kế Hồ Thiệu Trị; Giấy đề nghị tạm ứng ngày 25/01/2002; Công văn 1847/ĐS – KHTK ngày 26/07/2013 của Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam về việc giải quyết dừng dự án;

Khoản chênh lệch giữa giá trị Quyết toán trước và sau Kiểm toán của Dự án: “Hệ thống đặt chỗ và bán vé tự động cho tàu thống nhất” với số tiền 71.941.710 đồng. Hồ sơ xử lý tài chính khoản công nợ tới thời điểm phát hành Báo cáo Kiểm toán bao gồm: Công văn số 453/RPMU – TCKT ngày 17/03/2014 của Ban quản lý các Dự án Đường sắt về việc hoàn trả tiền tạm ứng hợp đồng tư vấn giám sát dự án đặt chỗ bán vé; Công văn số 250/KHN - TCKT ngày 11/03/2014 của Công ty Vận tải Hành khách Hà Nội về việc đối chiếu và thanh toán công nợ; Công văn số 1391/KHN – TCKT ngày 13/08/2012 của Công ty Vận tải Hành khách Đường sắt Hà Nội về việc giải quyết công nợ tồn đọng; Biên bản đối chiếu công nợ tại ngày 31/12/2009; Hợp đồng kinh tế giữa Xí nghiệp Liên hợp Vận tải Đường sắt Khu vực 1 (nay là Công ty Vận tải Hành khách Đường sắt Hà Nội) và Ban quản lý các Dự án Đường sắt.

Theo đó, Công ty cần thực hiện đầy đủ các thủ tục theo quy định về việc xử lý tài chính các khoản công nợ tồn đọng này tại Thông tư 228/2009/TT – BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính về việc “Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm hàng hóa, công trình xây lắp tại Doanh nghiệp”.

Các vấn đề cần nhấn mạnh được nêu không làm thay đổi ý kiến kiểm toán ngoại trừ đã được trình bày ở trên.



Nguyễn Tự Trung

Tổng Giám đốc

Giấy CN ĐKHN Kiểm toán số 1226-2013-112-1

Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY

Hà Nội, ngày 02 tháng 06 năm 2014

Hà Minh Long

Kiểm toán viên

Giấy CN ĐKHN Kiểm toán số 1221-2013-112-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2013 VND	01/01/2013 VND
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		366.297.371.904	359.879.527.933
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	159.263.653.067	121.113.407.238
1. Tiền	111		159.263.653.067	121.113.407.238
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		155.467.566.217	194.645.021.744
1. Phải thu khách hàng	131		12.990.671.266	19.197.825.194
2. Trả trước cho người bán	132		109.910.438	21.516.243.043
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		92.822.008.006	100.393.619.691
5. Các khoản phải thu khác	135	6	50.915.487.793	53.537.333.816
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139	7	(1.370.511.286)	-
IV. Hàng tồn kho	140		48.490.843.807	41.783.031.856
1. Hàng tồn kho	141	8	48.490.843.807	41.783.031.856
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		3.075.308.813	2.338.067.095
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		1.477.866.362	990.103.792
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		75.661.023	9.661.033
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	9	588.717.071	576.203.797
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		933.064.357	762.098.473
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		333.851.679.276	395.185.398.781
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		25.713.400.452	25.713.400.452
4. Phải thu dài hạn khác	218	10	25.713.400.452	25.713.400.452
II. Tài sản cố định	220		296.999.888.967	364.421.853.025
1. Tài sản cố định hữu hình	221	13	296.182.253.061	363.608.368.604
- Nguyên giá	222		1.386.335.559.167	1.352.367.111.775
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(1.090.153.306.106)	(988.758.743.171)
3. Tài sản cố định vô hình	227	11	169.050.493	161.143.967
- Nguyên giá	228		2.768.572.580	2.675.572.580
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(2.599.522.087)	(2.514.428.613)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	12	648.585.413	652.340.454
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		2.486.903.400	2.486.903.400
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	14	1.735.403.400	1.735.403.400
3. Đầu tư dài hạn khác	258	15	751.500.000	751.500.000
V. Tài sản dài hạn khác	260		8.651.486.457	2.563.241.904
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	16	3.641.786.457	2.553.541.904
3. Tài sản dài hạn khác	268		5.009.700.000	9.700.000
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		700.149.051.180	755.064.926.714

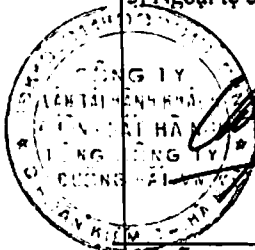
Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2013 VND	01/01/2013 VND
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		337.107.232.994	378.956.767.547
I. Nợ ngắn hạn	310		224.631.621.124	278.524.886.121
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	17	7.714.000.000	4.660.000.000
2. Phải trả người bán	312		33.931.007.387	34.072.679.784
3. Người mua trả tiền trước	313		792.257.640	976.492.885
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	18	13.685.454.965	18.347.789.852
5. Phải trả người lao động	315		137.363.172.322	143.973.070.667
6. Chi phí phải trả	316		368.604.764	509.128.000
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	19	29.607.292.854	74.550.136.110
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		1.169.831.192	1.435.588.823
II. Nợ dài hạn	330		112.475.611.870	100.431.881.426
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332	20	2.990.450.995	86.072.927.586
3. Phải trả dài hạn khác	333		12.156.904.039	4.316.889.314
4. Vay và nợ dài hạn	334	21	32.057.310.416	10.042.064.526
8. Doanh thu chưa thực hiện	338	22	65.270.946.420	-
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		363.041.818.186	376.108.159.167
I. Vốn chủ sở hữu	410	23	362.737.502.474	375.862.936.470
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		352.272.916.439	371.944.512.139
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		6.758.348.542	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		3.106.423.650	3.392.784.194
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		283.764.825	324.312.784
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		316.049.018	201.327.353
II. Nguồn kinh phí và các quỹ khác	430		304.315.712	245.222.697
1. Nguồn kinh phí	432		304.315.712	245.222.697
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		700.149.051.180	755.064.926.714

CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	31/12/2013	01/01/2013
4. Nợ khó đòi đã xử lý (VND)	004		1.823.614.419	1.717.672.709
5. Ngoại tệ các loại (USD)	005		213,78	213,54



Nguyễn Văn Chung
 Tổng Giám đốc
 Hà Nội, ngày 02 tháng 06 năm 2014

[Signature]

Hồ Minh Châu
 Kế toán trưởng

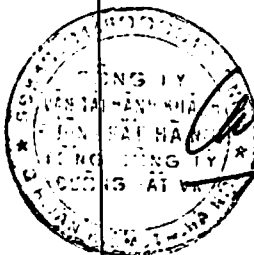
[Signature]

Đới Văn Toàn
 Người lập biểu

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2013	Năm 2012
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	24	1.893.333.771.807	1.886.573.566.381
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	24	57.775.553.546	54.004.921.365
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	24	1.835.558.218.261	1.832.568.645.016
4. Giá vốn hàng bán	11	25	1.603.506.237.555	1.601.439.135.624
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		232.051.980.706	231.129.509.392
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	26	18.390.098	28.116.546
7. Chi phí tài chính	22	27	8.588.809.775	10.448.352.523
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		8.588.809.775	10.448.352.523
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		254.906.743.151	247.990.974.578
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(31.425.182.122)	(27.281.701.163)
11. Thu nhập khác	31		267.621.995	736.805.717
12. Chi phí khác	32	28	136.660.205	57.983.604
13. Lợi nhuận khác	40		130.961.790	678.822.113
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(31.294.220.332)	(26.602.879.050)
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	29	197.705.115	229.694.290
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		(31.491.925.447)	(26.832.573.340)



Nguyễn Văn Chung
 Tổng Giám đốc
 Hà Nội, ngày 02 tháng 06 năm 2014

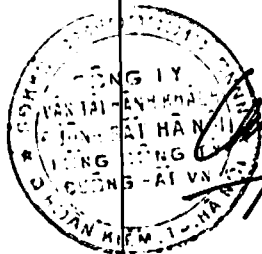
Hồ Minh Châu
 Kế toán trưởng

Đới Văn Toàn
 Người lập biểu

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
 (Theo phương pháp trực tiếp)
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		1.831.571.934.387	1.786.427.773.184
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(333.351.857.500)	(324.628.233.501)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(406.545.855.745)	(358.679.983.917)
4. Tiền chi trả lãi vay	04		(2.181.767.876)	(2.084.961.000)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05		(206.592.402)	(234.832.959)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		69.671.477.800	455.176.555.478
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(1.113.766.449.635)	(1.542.981.581.095)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		45.190.889.029	12.994.736.190
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(281.639.823)	(1.228.804.090)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		5.872.725	13.777.036
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(50.000.000.000)	(180.000.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		50.000.000.000	180.000.000.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		18.390.098	28.116.546
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(257.377.000)	(1.186.910.508)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		-	200.000.000
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(6.667.694.760)	(5.146.000.000)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		(115.629.110)	(66.170.455)
6. Lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(6.783.323.870)	(5.012.170.455)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		38.150.188.159	6.795.655.227
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		121.113.407.238	114.317.754.792
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		57.670	(2.781)
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	5	159.263.653.067	121.113.407.238



Nguyễn Văn Chung
 Tổng Giám đốc
 Hà Nội, ngày 02 tháng 06 năm 2014

[Signature]

Hồ Minh Châu
 Kế toán trưởng

[Signature]

Đới Văn Toàn
 Người lập biểu

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

HÌNH THỨC SỞ HỮU VỐN

Công ty Vận tải Hành khách Đường sắt Hà Nội (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là Doanh nghiệp Nhà nước hạch toán phụ thuộc Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam, được thành lập theo Quyết định số 03/QĐ/ĐS-TCCB-LĐ ngày 07/07/2003 của Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam trên cơ sở tổ chức lại 3 Xí nghiệp liên hợp vận tải đường sắt khu vực 1, 2 và 3. Công ty hoạt động theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0116000010 ngày 10/09/2003 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp và đăng ký thay đổi lần thứ 1 ngày 15/01/2004.

Trụ sở giao dịch của Công ty hiện đặt tại số 120 Lê Duẩn, quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội.

NGÀNH NGHỀ KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CHÍNH

- Kinh doanh vận tải đường sắt, vận tải đa phương thức trong nước và liên vận quốc tế;
- Đại lý và dịch vụ vận tải;
- Sửa chữa các phương tiện vận tải đường sắt;
- Chế tạo, sửa chữa các thiết bị phụ tùng chuyên ngành đường sắt và các sản phẩm cơ khí;
- Sản xuất và kinh doanh hàng tiêu dùng, thực phẩm;
- Kinh doanh khách sạn, du lịch.

CÁC ĐƠN VỊ HẠCH TOÁN PHỤ THUỘC CỦA CÔNG TY

Đơn vị hạch toán phụ thuộc Công ty bao gồm Văn phòng Công ty và các đơn vị sau:

Hệ Toa xe

1. Xí nghiệp Vận dụng toa xe khách Hà Nội
2. Xí nghiệp Sửa chữa toa xe Hà Nội
3. Xí nghiệp Toa xe Vinh

Hệ Ga

1. Ga Hà Nội
2. Ga Vinh
3. Ga Đồng Hới
4. Ga Huế
5. Ga Giáp Bát
6. Ga Yên Viên
7. Ga Hải Phòng
8. Ga Đồng Đăng
9. Ga Lào Cai
10. Ga Tiên Kiên
11. Ga Bim Sơn
12. Ga Đông Hà

Hệ Vận tải

1. Xí nghiệp Vận tải Đường sắt Hà Hải
2. Xí nghiệp Vận tải Đường sắt Hà Lạng
3. Xí nghiệp Vận tải Đường sắt Vĩnh Phú
4. Xí nghiệp Vận tải Đường sắt Yên Lào
5. Xí nghiệp Vận tải Đường sắt Hà Ninh
6. Xí nghiệp Vận tải Đường sắt Thanh Hóa
7. Xí nghiệp Vận tải Đường sắt Nghệ Tĩnh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (TIẾP)

CÁC ĐƠN VỊ HẠCH TOÁN PHỤ THUỘC CỦA CÔNG TY (TIẾP)

Hệ Vận tải (tiếp)

- 8. Xí nghiệp Vận tải Đường sắt Quảng Bình
- 9. Xí nghiệp Vận tải Đường sắt Quảng Trị - Thừa Thiên
- 10. Xí nghiệp Vận tải Đường sắt Hải Vân
- 11. Xí nghiệp Vận tải Đường sắt Hà Quảng
- 12. Xí nghiệp Vận tải Đường sắt Hà Thái

2. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Năm tài chính của Công ty từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 năm dương lịch.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này là đồng Việt Nam (VND).

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

3.1 TUYÊN BỐ VỀ VIỆC TUÂN THỦ CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Công ty đã tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán và Chế độ kế toán Việt Nam trong việc lập Báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

3.2 CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013 của Công ty được lập theo chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn sửa đổi, bổ sung Chế độ kế toán doanh nghiệp các quy định hiện hành về kế toán tại Việt Nam.

Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty được lập trên cơ sở hợp cộng các chỉ tiêu trên các báo cáo tài chính của Văn phòng Công ty và Báo cáo tài chính của các đơn vị hạch toán phụ thuộc, trực thuộc Công ty. Trong Báo cáo tài chính tổng hợp này, Công ty chưa thực hiện loại trừ các giao dịch, doanh thu và chi phí ngoài vận doanh giữa Công ty và các đơn vị hạch toán phụ thuộc.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

4.1 ƯỚC TÍNH KẾ TOÁN

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính (kỳ hoạt động). Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

4.2 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

Tiền mặt và các khoản tương đương tiền mặt bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, các khoản ký cược, ký quỹ, các khoản đầu tư ngắn hạn hoặc các khoản đầu tư có khả năng thanh khoản cao. Các khoản có khả năng thanh khoản cao là các khoản có khả năng chuyển đổi thành các khoản tiền mặt xác định trong thời gian không quá 3 tháng và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

Khoản tiền tồn quỹ vận doanh tại các Ga đang được Công ty theo dõi như khoản phải thu khách hàng - đối tượng là các Ga.

4.3 HÀNG TỒN KHO

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Công ty đang áp dụng phương pháp hạch toán hàng tồn kho là kê khai thường xuyên và phương pháp bình quân gia quyền trong việc xác định giá trị hàng tồn kho.

4.4 DỰ PHÒNG

Tại ngày 31/12/2013, Công ty đã thực hiện trích lập dự phòng phải thu khó đòi cho các khoản công nợ phải thu khó đòi của Công ty theo yêu cầu của “Đoàn kiểm tra Doanh thu, chi phí và các khoản thu nộp năm 2012, 2013 tại Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam” của Bộ Giao thông vận tải. Tuy nhiên, một số khoản trích lập dự phòng phải thu khó đòi chỉ có đối chiếu, xác nhận công nợ từ các năm 2009 và 2010 mà chưa có đối chiếu, xác nhận công nợ tại ngày 31/12/2013 theo quy định tại Thông tư 228/2009/TT – BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính về việc “Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm hàng hóa, công trình xây lắp tại Doanh nghiệp”.

4.5 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH VÀ KHẤU HAO

Tài sản cố định được phản ánh theo nguyên giá và hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Nguyên giá tài sản cố định do các nhà thầu xây dựng bao gồm giá trị công trình hoàn thành bàn giao, các chi phí liên quan trực tiếp và lệ phí trước bạ. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình tự xây dựng hoặc tự chế bao gồm giá thành thực tế của tài sản cố định hữu hình tự xây dựng hoặc tự chế và chi phí lắp đặt chạy thử.

Tỷ lệ khấu hao được xác định theo phương pháp đường thẳng, căn cứ vào thời gian sử dụng ước tính của tài sản, phù hợp với tỷ lệ khấu hao đã được quy định tại Thông tư số 45/2013/TT – BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính về hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Thời gian sử dụng của tài sản ước tính như sau:

	Số năm khấu hao
Nhà xưởng và vật kiến trúc	6 - 25
Máy móc và thiết bị	6 - 10
Phương tiện vận tải	6 - 15
Thiết bị quản lý	3 - 10

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

4.5 TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH VÀ KHẤU HAO (TIẾP)

Đối với Toa xe sau khi nâng cấp do không có cơ sở xác định thời gian sử dụng hữu ích thực tế tăng thêm do nâng cấp, Công ty vẫn giữ nguyên mức khấu hao cũ, sau đó lấy (giá trị còn lại + giá trị nâng cấp mới) chia cho mức khấu hao để xác định được số năm khấu hao còn lại sau khi nâng cấp.

Đối với các nhà ở tập thể của cán bộ công nhân viên hình thành từ nguồn vốn ngân sách tại các đơn vị trực thuộc, Công ty trích khấu hao theo hướng dẫn tại các văn bản đã hết hiệu lực thi hành của Bộ Tài chính từ các năm 1994 trở về trước là 60% số tiền thu được Công ty ghi giảm nguồn vốn kinh doanh và 40% số còn lại Công ty ghi tăng nguồn kinh phí sự nghiệp.

Liên quan đến 165 căn hộ tại Ga Hải Phòng, với nguyên giá là 812.550.000 đồng và giá trị còn lại 415.596.000 đồng, trong năm 2013, Công ty không tiến hành trích khấu hao do đang trong quá trình chuyển giao 165 căn hộ này cho Ủy ban Nhân dân Thành phố Hải Phòng quản lý.

Theo Công văn số 1088/KHN - TCKT ngày 24/07/2013 của Công ty Vận tải Hành khách Đường sắt Hà Nội về việc “Hướng dẫn thực hiện Thông tư số 45/2013/TT - BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính về hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định”, đối với các tài sản là nhà cửa, vật kiến trúc có liên quan đến quản lý đất đai tạm thời chưa điều chỉnh giảm Tài sản cố định theo Thông tư số 45/2013/TT - BTC. Theo đó, tại ngày 31/12/2013, tổng nguyên giá và khấu hao lũy kế của nhà cửa, vật kiến trúc của toàn Công ty có nguyên giá nhỏ hơn 30 triệu đồng chưa được ghi giảm theo Thông tư 45/2013/TT - BTC với giá trị lần lượt là: 3.007.825.325 đồng và 2.687.367.201 đồng.

4.6 TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH VÀ KHẤU HAO

Chi phí phát triển và nghiên cứu phần mềm máy tính

Chi phí cho hoạt động nghiên cứu được ghi nhận là chi phí của năm tài chính thực tế phát sinh chi phí đó.

Tài sản vô hình được tạo ra từ nội bộ doanh nghiệp phát sinh từ việc phát triển hoạt động kinh doanh điện tử của Công ty chỉ được ghi nhận khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Tài sản được tạo ra có thể xác định được;
- Chắc chắn thu được lợi ích kinh tế trong tương lai từ tài sản đó; và
- Chi phí phát triển tài sản có thể xác định được một cách tin cậy.

Tài sản vô hình được tạo ra từ nội bộ doanh nghiệp - Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính là 5 năm. Trong trường hợp không thể ghi nhận được tài sản vô hình tạo ra từ nội bộ doanh nghiệp, chi phí nghiên cứu phát triển được hạch toán vào khoản lỗ hoặc lỗ trong năm tài chính phát sinh chi phí đó.

4.7 CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm các tài sản là các thiết bị đang trong quá trình đầu tư mua sắm và lắp đặt, chưa đưa vào sử dụng, các công trình xây dựng cơ bản đang trong quá trình xây dựng. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc. Giá gốc này bao gồm: chi phí hàng hóa, dịch vụ phải trả cho các nhà thầu, người cung cấp, chi phí lãi vay có liên quan trong giai đoạn đầu tư và các chi phí hợp lý khác liên quan trực tiếp đến việc hình thành tài sản sau này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

4.8 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

Chi phí trả trước dài hạn tại ngày 31/12/2013 của Công ty bao gồm chủ yếu:

- Giá trị còn lại của công cụ dụng cụ đã xuất sử dụng chưa phân bổ hết; các công cụ dụng cụ này được kết chuyển dần vào chi phí theo tiêu thức phân bổ 50% giá trị ngay khi xuất sử dụng vào năm phát sinh và 50% giá trị còn lại cho năm tài chính tiếp theo;
- Giá trị còn lại của khoản chi phí cải tạo, xây dựng bãi hàng trên diện tích đất không thuộc sở hữu của Công ty là: 210.389.140 đồng, với giá trị phát sinh ban đầu từ các năm 2000, 2001 là 1.349.738.031 đồng.

4.9 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

Đầu tư liên doanh

Giá trị khoản đầu tư vào công ty liên doanh thể hiện: khoản tiền chuyển thay cho Liên hiệp Đường sắt Việt Nam (nay là Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam) trên tài khoản góp vốn liên doanh, với giá trị 1.735.403.400 đồng về việc góp vốn của Liên hiệp Đường sắt Việt Nam vào Công ty Liên doanh Đường sắt Việt Nam MINZR phát sinh từ năm 1996, mà không ghi nhận như một khoản phải thu nội bộ với Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam. Hiện nay, Liên doanh này đã giải thể nhưng các bên có liên quan chưa giải quyết được các vấn đề phát sinh trong việc giải thể liên doanh.

Các khoản đầu tư dài hạn khác

Tại thời điểm 31/12/2013, giá trị đầu tư dài hạn khác phản ánh khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Hải Vân Nam với tổng giá trị 751.500.000 đồng tương đương với 7.515 cổ phiếu và đạt tỷ lệ 0,63% trong giá trị vốn đầu tư của chủ sở hữu của Công ty Cổ phần Hải Vân Nam là 120.000.000.000 đồng theo báo cáo kiểm toán về Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011 của Công ty Cổ phần Hải Vân Nam số 0047/2012/BCTC-KTTV ngày 08/03/2012 do Công ty TNHH Kiểm toán tư vấn Đất Việt phát hành. Ban Giám đốc Công ty đã xem xét một cách thận trọng giá trị khoản đầu tư và đánh giá không phải lập dự phòng giảm giá cho khoản đầu tư này.

4.10 GHI NHẬN DOANH THU VÀ CHI PHÍ

Đối với doanh thu hoạt động kinh doanh vận tải (hoạt động chính):

Doanh thu được ghi nhận tập trung tại Văn phòng Công ty, các đơn vị phục thuộc chỉ hạch toán các khoản doanh thu ngoài vận tải (hoạt động phụ). Đối với hoạt động tác nghiệp, Công ty thực hiện thanh toán chi phí sản xuất kinh doanh vận tải theo Quyết định số 639/ĐS - KĐVT ngày 26/03/2014 của Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam. Theo hướng dẫn của Tổng Công ty, hoạt động tác nghiệp giữa Công ty với Công ty TNHH MTV Vận tải Hàng hoá Đường sắt và Công ty Vận tải Hành khách Đường sắt Sài Gòn được đối chiếu hàng quý, Công ty hạch toán tăng (giảm) doanh thu tương ứng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

4.10 GHI NHẬN DOANH THU VÀ CHI PHÍ (TIẾP)

Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm: lãi tiền gửi ngân hàng, lãi từ hoạt động đầu tư, các khoản cổ tức, lợi nhuận được chia từ hoạt động đầu tư,... được ghi nhận như các khoản thu hộ và được kết chuyển tập trung về Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam.

Đối với doanh thu hoạt động kinh doanh ngoài vận tải (hoạt động phụ):

Doanh thu được ghi nhận trên cơ sở khối lượng công việc hoặc dịch vụ đã hoàn thành và chuyển giao cho đối tác, đã được đối tác chấp nhận thanh toán.

Chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh phát sinh, có liên quan đến việc hình thành doanh thu trong năm được tập hợp theo thực tế và ước tính đúng kỳ kế toán.

4.11 CHI PHÍ ĐI VAY

Chi phí đi vay gồm có lãi vay và các khoản chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc xây dựng hoặc đầu tư tài sản cố định trong quá trình đầu tư được vốn hóa vào giá trị tài sản hoặc công trình khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay". Các khoản chi phí đi vay khác phát sinh được phản ánh vào kết quả kinh doanh trong năm.

4.12 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

Thuế giá trị gia tăng

Đối với hoạt động kinh doanh vận tải (hoạt động chính) được kê khai và nộp tập Công ty Vận tải Hành khách Đường sắt Hà Nội.

Đối với hoạt động kinh doanh ngoài vận tải (hoạt động phụ): Công ty xác định, kê khai và nộp thuế trực tiếp. Thuế giá trị gia tăng đầu vào đều được dùng cho hoạt động chịu thuế giá trị gia tăng và khấu trừ toàn bộ.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế thu nhập doanh nghiệp tại Công ty được xác định riêng theo từng hoạt động kinh doanh:

- Đối với hoạt động kinh doanh vận tải (hoạt động chính): Công ty không xác định thuế thu nhập doanh nghiệp từ kết quả kinh doanh của hoạt động này, phần chênh lệch Doanh thu - Chi phí tại Công ty được kết chuyển về Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam, thuế thu nhập doanh nghiệp được xác định và kê khai nộp tập trung tại Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

4.12 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC (TIẾP)

- Đối với hoạt động kinh doanh ngoài vận tải (hoạt động phụ): Công ty kê khai và nộp thuế trực tiếp với thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 25% với Cục thuế địa phương thuộc các tỉnh, thành nơi các đơn vị trực thuộc Công ty đóng trụ sở.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

4.13 NGOẠI TỆ

Công ty áp dụng Thông tư 179/2012/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 24/10/2012 hướng dẫn xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá. Theo quy định tại Thông tư này, việc xử lý chênh lệch tỷ giá được thực hiện như sau:

- Các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá giao dịch tại ngày phát sinh nghiệp vụ của Ngân hàng Thương mại nơi doanh nghiệp có giao dịch phát sinh theo qui định của pháp luật. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được hạch toán vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh.
- Số dư các khoản mục bằng tiền và công nợ phải thu, phải trả có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được chuyển đổi theo tỷ giá mua vào của Ngân hàng Thương mại nơi doanh nghiệp mở tài khoản công bố tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc đánh giá lại các khoản tiền, phải thu và phải trả ngắn hạn có gốc ngoại tệ tại thời điểm ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm, số chênh lệch còn lại được hạch toán vào kết quả kinh doanh trong năm.

4.14 BÊN LIÊN QUAN

Một bên được xem là có liên quan đến Công ty Vận tải hành khách Đường sắt Hà Nội nếu có quyền kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đến Công ty trong việc ra các quyết định đối với các chính sách và hoạt động. Theo đó, bên liên quan của Công ty Vận tải hành khách Đường sắt Hà Nội là Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam; các đơn vị trực thuộc Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam; các công ty con, công ty liên kết, liên doanh với Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam.

4.15 CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác, công cụ tài chính đã được niêm yết và chưa niêm yết.

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác, các khoản nợ và các khoản vay.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

4.15 CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP)

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và công nợ tài chính được bù trừ cho nhau trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận và Công ty có dự định thanh toán trên cơ sở thuận hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Tiền mặt tại quỹ	2.115.388.920	1.708.520.382
Tiền gửi ngân hàng	157.148.264.147	119.404.886.856
Cộng	159.263.653.067	121.113.407.238

6. CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Công ty TNHH MTV Vận tải Hành khách Đường sắt Sài Gòn	38.936.560.513	48.796.084.880
Công ty TNHH MTV Vận tải Hàng hóa Đường sắt	389.728.284	-
Phân ban cơ sở hạ tầng khu vực I [1]	287.271.286	287.271.286
Phải thu về chi trợ cấp thôi việc [2]	1.756.204.375	760.147.144
Phí cơ sở hạ tầng theo Doanh thu ghi nhận trước	5.211.680.000	-
Thuế GTGT đầu vào chưa được khấu trừ	20.221.104	46.124.095
Phải thu thuế TNCN của CBCNV	270.152.079	391.764.044
Ban Quản lý dự án Đường sắt [3]	-	71.941.710
Công ty Quản lý Đường sắt Hà Hải [4]	130.000.000	130.000.000
Thuốc BHYT khám chữa bệnh	57.457.090	6.323.926
Các tổ tàu SE 5/6 phục vụ hành khách	120.102.179	57.094.685
Phải thu Cơ quan Bảo hiểm	286.321.620	443.432.502
Tiền nhà của 29 hộ ở tập thể 14 Nguyễn Khuyến	797.492.510	797.492.510
Phải thu tiền điện Kios	1.485.000	14.957.770
Chi phí thu gom phế liệu	3.690.000	2.325.000
Cho vay mầm bánh - Xí nghiệp Toa xe Sài Gòn	-	123.420.774
Trung tâm Thương mại Dịch vụ Đường sắt Vinh	198.953.559	103.973.322
Phải thu tiền ốm đau, thai sản	455.949.311	21.138.672
Phải thu tiền Bảo hiểm của Công nhân viên	1.122.603.458	1.033.787.193
Cán bộ công nhân viên nghỉ tự túc	46.725.246	-
Phải thu tiền bồi thường tai nạn chạy tàu, cứu hộ tai nạn Đường sắt	196.812.371	-
Các khoản phải thu khác	626.077.808	450.054.303
Cộng	50.915.487.793	53.537.333.816

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

6. CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC (TIẾP)

Trong đó

[1] Khoản ứng trước cho các nhà thầu của Phân ban Cơ sở Hạ tầng Khu vực I của nhiều dự án số tiền là 287.271.286 đồng phát sinh từ trước 2003 được đánh giá khó có khả năng thu hồi. Năm 2013, Công ty đã thực hiện trích lập dự phòng 100% khoản công nợ ứng trước này.

[2] Là khoản phải thu của các Đơn vị khác do Công ty đã chi trả hộ các Đơn vị này số tiền tương ứng với thời gian người lao động xin chấm dứt hợp đồng lao động làm việc tại các Đơn vị đó.

[3] Ứng trước thừa tiền so với hợp đồng quản lý giám sát dự án Đặt chỗ Bán vé tự động tàu Thống nhất từ năm 2001 (đã quyết toán vào năm 2004) 71.941.710 đồng được đánh giá không có khả năng thu hồi. Năm 2013, Công ty đã xử lý tài chính đối với khoản công nợ này.

[4] Là số tiền bị xuất toán của Công trình Nhà lưu trú cung đường từ năm 1996 được đánh giá khó có khả năng thu hồi. Công trình này trước đây do Xí nghiệp Liên hợp Vận tải Đường sắt Khu vực I (nay là Công ty Vận tải Hành khách Đường sắt Hà Nội) quản lý và dùng nguồn sửa chữa lớn từ hoạt động vận tải để xây dựng. Sau đó Xí nghiệp Liên hợp Vận tải Đường sắt Khu vực I đã ghi nợ Xí nghiệp Quản lý Đường sắt Hà Hải (nay là Công ty TNHH Một thành viên Quản lý Đường sắt Hà Hải) do tài sản này đã được bàn giao cho Công ty TNHH Một thành viên Quản lý Đường sắt Hà Hải quản lý và sử dụng. Năm 2013, Công ty đã thực hiện trích lập dự phòng 100% khoản công nợ này.

7. DỰ PHÒNG PHẢI THU KHÓ ĐÒI

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Phải thu khách hàng (*)	(953.240.000)	-
Phải thu khác	(417.271.286)	-
Cộng	<u>(1.370.511.286)</u>	<u>-</u>

(*) Thực hiện theo yêu cầu của “Đoàn kiểm tra Doanh thu, chi phí và các khoản thu nộp năm 2012, 2013 tại Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam” của Bộ Giao thông Vận tải, Công ty đã thực hiện trích lập dự phòng 100% giá trị các khoản phải thu khó đòi với tổng giá trị là: 1.370.511.286 đồng, trong đó có 953.240.000 đồng là giá trị của các khoản công nợ phải thu khó đòi có đối chiếu, xác nhận công nợ từ các năm 2009 và 2010 mà chưa có đối chiếu, xác nhận công nợ tại ngày 31/12/2013.

8. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	45.620.569.386	37.645.730.168
Công cụ, dụng cụ	704.675.822	501.107.775
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	1.899.554.280	3.430.876.466
Thành phẩm	99.486.690	79.771.802
Hàng hóa	166.557.629	125.545.645
Cộng giá gốc của hàng tồn kho	<u>48.490.843.807</u>	<u>41.783.031.856</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

9. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN KHÁC PHẢI THU NHÀ NƯỚC

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng nộp thừa	39.692.809	77.992.457
Thuế thu nhập doanh nghiệp nộp thừa	17.400.563	26.952.499
Thuế thu nhập cá nhân	394.440.613	96.062.790
Thuế tài nguyên	137.183.086	482.062
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	374.713.989
Cộng	588.717.071	576.203.797

10. PHẢI THU DÀI HẠN KHÁC

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Liên hiệp Sức kéo Đường sắt	25.713.400.452	25.713.400.452
Cộng	25.713.400.452	25.713.400.452

11. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

Giá trị của tài sản cố định vô hình tại ngày 31/12/2013 thể hiện nguyên giá với giá trị 2.768.572.580 đồng (trong đó phần mềm bán vé điện toán là 2.568.992.580 đồng; chi phí khảo sát lập hồ sơ sử dụng đất 106.580.000 đồng; phần mềm quản lý văn bản là 60.000.000 đồng, phần mềm tính lương là 33.000.000 đồng), chi phí khấu hao được trích trong năm 2013 là 85.093.474 đồng và giá trị còn lại là 169.050.493 đồng.

12. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Chi phí cải tạo toa xe điện 24V thành 220V	625.961.777	650.340.454
Các công trình khác	22.623.636	2.000.000
Cộng	648.585.413	652.340.454

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

13. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Cộng VND
Nguyên giá					
01/01/2013	129.031.956.125	107.518.227.053	1.086.231.672.335	29.585.256.262	1.352.367.111.775
Số tăng trong năm	8.849.623.285	1.106.958.253	165.564.852.533	3.749.114.419	179.270.548.490
- Mua trong năm	-	1.106.958.253	1.612.738.915	3.718.569.091	6.438.266.259
- Đầu tư XDCB hoàn thành	8.849.623.285	-	-	-	8.849.623.285
- Nâng cấp, cải tạo	-	-	50.391.192.496	30.545.328	50.421.737.824
- Tăng do nhận điều chuyển	-	-	113.560.921.122	-	113.560.921.122
Số giảm trong năm	-	4.249.699.053	137.514.362.885	3.538.039.160	145.302.101.098
- Thanh lý, nhượng bán	-	628.962.784	739.316.902	230.175.200	1.598.454.886
- Giảm do điều chuyển đi	-	825.501.405	136.609.026.920	-	137.434.528.325
- Giảm theo Thông tư 45/2013/TT - BTC	-	2.795.234.864	166.019.063	3.307.863.960	6.269.117.887
31/12/2013	137.881.579.410	104.375.486.253	1.114.282.161.983	29.796.331.521	1.386.335.559.167
Giá trị hao mòn lũy kế					
01/01/2013	67.669.769.494	83.102.719.349	815.800.571.243	22.185.683.085	988.758.743.171
Số tăng trong năm	6.466.757.325	9.768.551.016	166.139.244.028	3.657.207.162	186.031.759.531
- Tăng do nhận điều chuyển	-	-	104.418.243.068	-	104.418.243.068
- Khấu hao trong năm	6.431.819.413	9.768.551.016	61.721.000.960	3.657.207.162	81.578.578.551
- Hao mòn nhà ở Cán bộ Công nhân viên	34.937.912	-	-	-	34.937.912
Số giảm trong năm	-	3.371.129.755	78.201.149.813	3.064.917.028	84.637.196.596
- Thanh lý, nhượng bán	-	628.962.784	739.316.902	230.175.200	1.598.454.886
- Giảm do điều chuyển đi	-	825.501.405	77.339.183.006	-	78.164.684.411
- Giảm theo Thông tư 45/2013/TT - BTC	-	1.916.665.566	122.649.905	2.834.741.828	4.874.057.299
31/12/2013	74.136.526.819	89.500.140.610	903.738.665.458	22.777.973.219	1.090.153.306.106
Giá trị còn lại					
01/01/2013	61.362.186.631	24.415.507.704	270.431.101.092	7.399.573.177	363.608.368.604
31/12/2013	63.745.052.591	14.875.345.643	210.543.496.525	7.018.358.302	296.182.253.061

Nguyên giá TSCĐ hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2013 là 364.031.219.713 đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

13. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH (TIẾP)

Theo Công văn số 1088/KHN - TCKT ngày 27/07/2013 của Công ty Vận tải Hành khách Đường sắt Hà Nội về việc “hướng dẫn thực hiện Thông tư số 45/2013/TT - BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính về hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định”, đối với các tài sản là nhà cửa, vật kiến trúc có liên quan đến quản lý đất đai tạm thời chưa điều chỉnh giảm Tài sản cố định theo Thông tư số 45/2013/TT - BTC. Theo đó, tại ngày 31/12/2013, tổng nguyên giá và khấu hao lũy kế của nhà cửa, vật kiến trúc của toàn Công ty có nguyên giá nhỏ hơn 30 triệu đồng chưa được ghi giảm theo Thông tư 45/2013/TT - BTC với giá trị lần lượt là: 3.007.825.325 đồng và 2.687.367.201 đồng.

14. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN KẾT, LIÊN DOANH

Giá trị của khoản đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh phản ánh khoản tiền chuyển vào Công ty Liên doanh Đường sắt Việt Nam MINZR theo hợp đồng liên doanh giữa Liên hiệp Đường sắt Việt Nam (nay là Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam) và Công ty Minz Container Ltd (Đại diện bên New Zealand) được ký kết ngày 25/5/1995 để tổ chức và khai thác dịch vụ vận chuyển container bằng đường sắt trên lãnh thổ Việt Nam với giá trị 1.735.403.400 đồng. Đây là khoản vốn góp của Liên hiệp Đường sắt Việt Nam vào Công ty Liên doanh Đường sắt Việt Nam MINZR, phát sinh từ năm 1996 mà không phải là khoản đầu tư của Công ty Vận tải Hành khách Đường sắt Hà Nội. Hiện nay Liên doanh này đã giải thể nhưng các bên có liên quan chưa giải quyết được các vấn đề phát sinh trong việc giải thể liên doanh.

15. ĐẦU TƯ DÀI HẠN KHÁC

Tại thời điểm 31/12/2013, giá trị đầu tư dài hạn khác phản ánh khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Hải Vân Nam với tổng giá trị 751.500.000 đồng tương đương với 7.515 cổ phiếu và đạt tỷ lệ 0,63% trong giá trị vốn đầu tư của chủ sở hữu của Công ty Cổ phần Hải Vân Nam là 120.000.000.000 đồng theo báo cáo kiểm toán về Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011 của Công ty Cổ phần Hải Vân Nam số 0047/2012/BCTC-KTTV ngày 08/03/2012 do Công ty TNHH Kiểm toán tư vấn Đất Việt phát hành. Ban Giám đốc Công ty đã xem xét một cách thận trọng giá trị khoản đầu tư và đánh giá không phải lập dự phòng giảm giá cho khoản đầu tư này.

16. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Công cụ dụng cụ chờ phân bổ	3.378.760.953	2.318.860.599
Chi phí sửa chữa lớn Tài sản cố định	52.636.364	-
Chi phí trả trước dài hạn khác (*)	210.389.140	234.681.305
Cộng	3.641.786.457	2.553.541.904

(*) Là giá trị còn lại của các khoản chi phí cải tạo bãi hàng tại các đơn vị trực thuộc (trong đó Xí nghiệp Vận tải Đường sắt Vĩnh Phú là 15.127.508 đồng; Xí nghiệp Vận tải Đường sắt Hà Ninh là 30.979.274 đồng và Xí nghiệp Vận tải Đường sắt Hà Hải là 164.282.358 đồng) với giá trị ban đầu từ các năm 2000, 2001 là 1.349.738.031 đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

17. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Vay dài hạn đến hạn trả	7.714.000.000	4.660.000.000
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam (hợp đồng số 02-2009/HĐTDTH-VTHK)	3.160.000.000	4.660.000.000
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam (hợp đồng số 03/2013/HDTDDA/NHCTVIETINBANKKH)	714.000.000	-
Ngân hàng TMCP Đầu tư Phát triển Việt Nam	3.840.000.000	-
Cộng	7.714.000.000	4.660.000.000

Chi tiết các hợp đồng trên được thuyết minh tại Thuyết minh số 21 trong Báo cáo tài chính này.

18. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	2.877.147.398	5.360.075.542
Thuế thu nhập doanh nghiệp	41.925.611	60.580.135
Thuế thu nhập cá nhân	198.936.592	353.698.498
Thuế tài nguyên	717.546	-
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	-	45.563.547
Các loại thuế khác	-	2.000.000
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	10.566.727.818	12.525.872.130
Cộng	13.685.454.965	18.347.789.852

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

19. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỢP NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	539.082.671	3.201.060.216
Bảo hiểm xã hội và Bảo hiểm y tế	309.436.578	115.963.448
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	1.168.000.000	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác	27.590.773.605	71.233.112.446
<i>Trong đó:</i>		
Đường sắt Trung Quốc	2.401.406.065	2.504.944.963
Quỹ hỗ trợ	162.182.392	176.196.209
Pjico và Bảo Việt trả bổ sung quỹ dự phòng tai nạn đường sắt	6.574.656	20.590.881
Tạm gác các khoản chờ thanh toán	-	490.001
Tạm gác các khoản phải trả khác	-	6.439.293.812
Tiền Bảo hiểm hành khách phải trả	648.323.000	568.103.500
Tiền thừa giấy báo thu chưa vận chuyển	2.705.808.690	1.145.470.540
Gác chi phí quản lý của các Ban QLDA	-	72.980.000
Nhập thu thừa của các ga	45.839.676	37.199.439
Công ty Cổ phần Tư vấn Giao thông vận tải	65.312.116	65.312.116
Văn phòng Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam	-	35.071.786
Công ty TNHH MTV Vận tải Hàng hóa Đường sắt	-	11.144.954.458
Liên hiệp Sức kéo Đường sắt	17.011.458.301	44.627.238.077
Xi nghiệp Toa xe Sài Gòn	35.462.932	-
2% quỹ công đoàn cứu trợ	834.284	162.136.564
Bảo lãnh hợp đồng	299.883.434	267.552.554
Tiền đặt cọc khai thác Kios, mua vé tàu	170.088.750	139.448.750
Phải trả Ga Hải Phòng - tiền dỡ xe máy	-	10.023.759
Công ty TNHH TMVL Hạnh Lâm	-	30.000.000
Công ty TNHH Dịch vụ và Thương mại TSC	-	350.000.000
Công ty Du lịch Đường sắt Hà Nội	-	100.000.000
Kinh phí giao nhận sửa chữa toa xe các đơn vị	66.295.137	-
Tiền trợ cấp thôi việc của CBCNV	858.617.950	597.658.100
Phải trả Thuế TNCN cho CNV	66.212.311	22.375.279
Tiền đặt cọc hợp đồng vận chuyển	1.493.798.500	897.000.000
Ban Quản lý Dự án Khu vực I	-	227.003.035
Bảo hiểm xã hội trả trợ cấp ốm đau, thai sản	14.663.410	
Tiền giải quyết tai nạn Đường sắt	20.056.000	
Phải trả khác	1.517.956.001	1.592.068.623
Cộng	29.607.292.854	74.550.136.110

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

20. PHẢI TRẢ DÀI HẠN NỘI BỘ

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
<i>Phải trả dài hạn nội bộ - Ban Tài chính kế toán Đường sắt Việt Nam</i>	<i>2.990.450.995</i>	<i>86.072.927.586</i>
+ Dự án đóng mới toa xe	-	71.227.949.409
+ Dự án đầu tư MMTB sửa chữa toa xe	2.990.450.995	8.409.662.911
+ Dự án đóng mới toa xe hàng	-	6.435.315.266
Cộng	2.990.450.995	86.072.927.586

21. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Vay dài hạn	32.057.310.416	9.816.185.416
Vay ngân hàng	31.726.000.000	9.480.000.000
Hợp đồng số 02-2009/HĐTDVH-VTHK [1]	6.320.000.000	9.480.000.000
Hợp đồng số 0122/2013/0000974 [2]	21.120.000.000	-
Hợp đồng số 03/2013 - HDTDD/NHCTVIETINBANKKH - VTHK	4.286.000.000	-
Vay cá nhân	331.310.416	336.185.416
Nợ dài hạn	-	225.879.110
Nợ dài hạn khác	-	225.879.110
Cộng	32.057.310.416	10.042.064.526

Khoản vay ngân hàng được thực hiện theo các hợp đồng tín dụng sau:

[1] Tại ngày 22/10/2009, Công ty Vận tải Hành khách Đường sắt Hà Nội ký Hợp đồng tín dụng số 02 - 2009 /HĐTDTH-VTHK Ngân hàng Thương mại cổ phần Công thương Việt Nam với số tiền cho vay 19.000.000.000 đồng; khoản vay này được hoàn trả trong thời hạn là 7 năm (ân hạn 1 năm, thu nợ trong 6 năm). Lãi suất tại thời điểm vay là 10.5%/năm. Lãi suất thay đổi tối đa 6 tháng/lần vào ngày 1/4 và ngày 1/10 hàng năm và bằng lãi suất tiết kiệm kỳ hạn 12 tháng trả lãi sau của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh TP. Hà Nội cộng chi phí biên 2.7%/năm; Lãi suất phạt quá hạn bằng 50% lãi suất cho vay. Công ty cam kết dùng toàn bộ tài sản thuộc quyền sở hữu, sử dụng, quản lý của mình để làm tài sản đảm bảo nếu sử dụng vốn sai mục đích hoặc không trả được nợ. Khoản vay phải trả của hợp đồng này được Công ty phân loại sang Nợ dài hạn đến hạn trả tại ngày 31/12/2013 là: 3.160.000.000 đồng.

[2] Tại ngày 31/05/2013, Công ty Vận tải Hành khách Đường sắt Hà Nội ký Hợp đồng tín dụng trung hạn số 00122/2013/0000974 với Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Thành, hạn mức tín dụng là: 26.907.694.760 đồng; mục đích vay là: thanh toán chi phí đầu tư "Công trình nâng cấp, cải tạo 20 toa xe khách thành toa xe AN28 lắp điều hòa không khí"; thời hạn vay kể từ ngày rút khoản vốn đầu tiên là 84 tháng. Lãi suất áp dụng cho năm 2013 là 13%/năm và sau đó được điều chỉnh 06 tháng/ lần theo thông báo lãi suất của Ngân hàng TMCP Đầu tư Phát triển Việt Nam tại thời điểm điều chỉnh theo nguyên tắc: lãi suất tiết kiệm dân cư 12 tháng trả sau cộng biên độ 4%, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn tại thời điểm chuyển nợ quá hạn. Hình thức đảm bảo tiền vay: Thế chấp, cầm cố tài sản được hình thành từ vốn vay dự án trên. Khoản vay phải trả của hợp đồng này được Công ty phân loại sang Nợ dài hạn đến hạn trả tại ngày 31/12/2013 là: 3.840.000.000 đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

21. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN (TIẾP)

[3] Ngày 01/11/2013, Công ty ký hợp đồng tín dụng số 03/2013/HDTDDA/NHCTVIETINBANKKHVN với Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thành phố Hà Nội với hạn mức vay là 5.000.000.000 đồng; mục đích vay phục vụ dự án: “Đầu tư mới 06 tổ hợp máy phát điện lắp trên Toa xe Công vụ phát điện”. Thời hạn vay cho các khoản nợ là 84 tháng (không ân hạn), lãi suất tại thời điểm vay là 12,5%/ năm, lãi suất điều chỉnh 03 tháng một lần, ngày xác định lãi suất là ngày 25 hàng tháng. Lãi suất cho vay được tính trên lãi suất cơ sở cộng 4%/năm, lãi suất cơ sở xác định bằng lãi suất huy động tiết kiệm cộng chi phí huy động vốn tăng thêm. Tài sản đảm bảo là hợp đồng tiền gửi số 513/2013-HDTG - VTHK có giá trị 5.000.000.000 đồng. Khoản vay phải trả của hợp đồng này được Công ty phân loại sang Nợ dài hạn đến hạn trả tại ngày 31/12/2013 là 714.000.000 đồng.

22. DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Tiền bán vé tàu thu được năm 2013, thực hiện vận chuyển năm 2014	65.146.000.000	-
Doanh thu chưa thực hiện tại Ga Hà Nội	117.067.238	-
Doanh thu chưa thực hiện tại Ga Lào Cai	7.879.182	-
Cộng	<u>65.270.946.420</u>	<u>-</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

23. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Khoản mục	Vốn đầu tư của CSH VND	Vốn khác của CSH VND	Chênh lệch tỷ giá hối đoái VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Cộng VND
01/01/2012	371.616.643.152		2.346.289	3.938.732.748	330.503.586	151.388.830	376.039.614.605
- Tăng vốn do nhận bàn giao TSCĐ		-	-	-	-	-	-
- Tăng TSCĐ từ quỹ đầu tư phát triển	454.960.000	-		(454.960.000)	-	-	-
- Lãi hoạt động ngoài vận tải	-	-	-	-	-	732.649.380	732.649.380
- Phân phối lợi nhuận ngoài vận tải	-	-	-	243.936.106	3.209.198	(247.145.304)	-
- Tăng khác	334.924.660	-	-	-	-	-	334.924.660
- Giảm do Bàn giao TSCĐ	(397.963.459)	-	-	-	-	-	(397.963.459)
- Giảm do Hao mòn nhà ở cán bộ công nhân viên	(64.052.214)	-	-	-	-	-	(64.052.214)
- Điều tiết KHCĐ về Đường sắt Việt Nam	-	-	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	(2.346.289)	(334.924.660)	(9.400.000)	(435.565.553)	(782.236.502)
- Kết quả kinh doanh hoạt động vận tải	-	-	-	-	-	(27.565.222.720)	(27.565.222.720)
- Kết chuyển về Đường sắt Việt Nam	-	-	-	-	-	27.565.222.720	27.565.222.720
31/12/2012	371.944.512.139	-	-	3.392.784.194	324.312.784	201.327.353	375.862.936.470
01/01/2013	371.944.512.139	-	-	3.392.784.194	324.312.784	201.327.353	375.862.936.470
- Tăng vốn do nhận bàn giao TSCĐ	1.405.591.656	-	-	-	-	-	1.405.591.656
- Nhận vốn từ Tổng Công ty	1.635.519.091	-	-	-	-	-	1.635.519.091
- Tăng Vốn kinh doanh từ quỹ đầu tư phát triển	-	468.385.000	-	(468.385.000)	-	-	-
- Lãi hoạt động ngoài vận tải	-	-	-	-	-	655.536.898	655.536.898
- Phân phối lợi nhuận ngoài vận tải	-	-	-	182.024.456	-	(182.024.456)	-
- Tăng khác	-	-	-	-	-	-	-
- Giảm do Bàn giao TSCĐ	(16.387.804.993)	-	-	-	-	-	(16.387.804.993)
- Giảm do Hao mòn nhà ở cán bộ công nhân viên	(34.937.912)	-	-	-	-	-	(34.937.912)
- Giảm do điều chuyển vốn	(6.289.963.542)	6.289.963.542	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-	(40.547.959)	(358.790.777)	(399.338.736)
- Kết quả kinh doanh hoạt động vận tải	-	-	-	-	-	(32.147.462.345)	(32.147.462.345)
- Kết chuyển về Đường sắt Việt Nam	-	-	-	-	-	32.147.462.345	32.147.462.345
31/12/2013	352.272.916.439	6.758.348.542	-	3.106.423.650	283.764.825	316.049.018	362.737.502.474

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

24. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.893.333.771.807	1.886.573.566.381
Trong đó:	-	-
Doanh thu dịch vụ vận tải	1.692.616.121.014	1.670.059.056.124
Doanh thu ngoài vận tải (*)	200.717.650.793	216.514.510.257
Các khoản giảm trừ doanh thu	57.775.553.546	54.004.921.365
Trong đó:		
Hàng bán bị trả lại	57.775.553.546	54.004.921.365
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.835.558.218.261	1.832.568.645.016
Trong đó:		
Doanh thu dịch vụ vận tải	1.634.840.567.468	1.616.054.134.759
Doanh thu ngoài vận tải (*)	200.717.650.793	216.514.510.257

(*) Doanh thu ngoài vận tải năm 2013 bao gồm cả các khoản doanh thu nội bộ ngoài vận tải giữa các xí nghiệp hạch toán phụ thuộc của Công ty chưa được bù trừ và phần doanh thu bán trực bán cho Công ty Vận tải Hành khách Đường sắt Sài Gòn và Công ty TNHH MTV Vận tải Hàng hóa Đường sắt với tổng số tiền 3.220.615.552 đồng.

25. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Giá vốn dịch vụ vận tải	1.417.686.874.319	1.399.166.676.077
Giá vốn ngoài vận tải (*)	185.819.363.236	202.272.459.547
Cộng	1.603.506.237.555	1.601.439.135.624

(*) Giá vốn kinh doanh ngoài vận tải bao gồm cả các khoản giá vốn phát sinh nội bộ của hoạt động ngoài vận tải giữa các xí nghiệp phụ thuộc của Công ty chưa được bù trừ (với số tiền: 3.220.615.552 đồng) tương ứng với phần Doanh thu ngoài vận tải được nêu tại mục ghi chú (*), thuyết minh số 24 trong Báo cáo tài chính này.

26. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay ngoài vận tải	18.390.098	28.116.546
Cộng	18.390.098	28.116.546

27. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Lãi tiền vay hoạt động vận tải (lãi vay các dự án)	8.576.461.775	10.441.446.523
Lãi tiền vay hoạt động ngoài vận tải	12.348.000	6.906.000
Cộng	8.588.809.775	10.448.352.523

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

28. CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Xử lý tài chính công nợ phải thu khó đòi (*)	105.941.710	-
Chi phí khác	30.718.495	57.983.604
Cộng	136.660.205	57.983.604

(*) Khoản xử lý tài chính công nợ phải thu khó đòi bao gồm:

Khoản ứng tiền trước cho nhà cung cấp là Văn phòng Tư vấn Thiết kế Hồ Thiệu Trị cho Dự án: “Tôn tạo Kiến trúc Ga A - Hà Nội” với số tiền: 34.000.000 đồng. Hồ sơ xử lý tài chính khoản công nợ này bao gồm: Hợp đồng giao thầu ngày 24/12/2001 giữa Xí nghiệp Liên hợp Vận tải Đường sắt Khu vực 1 (nay là Công ty Vận tải Hành khách Đường sắt Hà Nội) và Văn phòng Tư vấn Thiết kế Hồ Thiệu Trị; Giấy đề nghị tạm ứng ngày 25/01/2002; Công văn 1847/ĐS – KHTK ngày 26/07/2013 của Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam về việc giải quyết dừng dự án. Và,

Khoản chênh lệch giữa giá trị Quyết toán trước và sau Kiểm toán của Dự án: “Hệ thống đặt chỗ và bán vé tự động cho tàu thống nhất” với số tiền là: 71.941.710 đồng. Hồ sơ xử lý tài chính khoản công nợ này bao gồm: Công văn số 453/RPMU – TCKT ngày 17/03/2014 của Ban quản lý các Dự án Đường sắt về việc hoàn trả tiền tạm ứng hợp đồng tư vấn giám sát dự án đặt chỗ bán vé; Công văn số 250/KHN – TCKT ngày 11/03/2014 của Công ty Vận tải Hành khách Hà Nội về việc đối chiếu và thanh toán công nợ; Công văn số 1391/KHN – TCKT ngày 13/08/2012 của Công ty Vận tải Hành khách Đường sắt Hà Nội về việc giải quyết công nợ tồn đọng; Biên bản đối chiếu công nợ tại ngày 31/12/2009; Hợp đồng kinh tế giữa Xí nghiệp Liên hợp Vận tải Đường sắt Khu vực 1 (nay là Công ty Vận tải Hành khách Đường sắt Hà Nội) và Ban quản lý các Dự án Đường sắt.

Theo đó, Công ty cần thực hiện đầy đủ các thủ tục theo quy định về việc xử lý tài chính các khoản công nợ tồn đọng này tại Thông tư 228/2009/TT – BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính về việc “Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm hàng hóa, công trình xây lắp tại Doanh nghiệp”.

29. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Lợi nhuận/ Lỗ trước thuế	(31.294.220.332)	(26.602.879.050)
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế	-	-
Trừ thu nhập không chịu thuế:	(32.147.462.345)	(27.521.656.210)
Thu nhập không chịu thuế của hoạt động SX chính (*)	(32.147.462.345)	(27.521.656.210)
Thu nhập không chịu thuế của hoạt động SX phụ	-	43.566.510
Cộng các khoản chi phí không được trừ	-	-
Thu nhập chịu thuế	853.242.013	918.777.160
Thuế TNDN hiện hành	197.705.115	229.694.290
Thuế TNDN được miễn giảm	-	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	197.705.115	229.694.290

(*) Kết quả hoạt động kinh doanh dịch vụ vận tải được chuyển về Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam để xác định thuế thu nhập doanh nghiệp tại Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

30. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Quản lí rủi ro vốn

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng công ty vừa có thể hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích cho Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ đã trình bày tại Bảng cân đối kế toán, phần vốn thuộc sở hữu của Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam (bao gồm vốn đầu tư của chủ sở hữu, quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp kế toán mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu được trình bày tại Thuyết minh số 4.15.

	Giá trị ghi sổ 31/12/2013 VND	Giá trị ghi sổ 01/01/2013 VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	159.263.653.067	121.113.407.238
Phải thu khách hàng và phải thu khác	63.906.159.059	72.735.159.010
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(1.370.511.286)	-
Đầu tư dài hạn	751.500.000	751.500.000
Tổng cộng	222.550.800.840	194.600.066.248
Công nợ tài chính		
Các khoản vay	39.771.310.416	14.702.064.526
Phải trả người bán và phải trả khác	73.678.685.031	105.305.792.230
Chi phí phải trả	368.604.764	509.128.000
Công nợ tài chính khác	1.168.000.000	28.000.000
<i>Nhận ký quỹ, ký cược</i>	<i>1.168.000.000</i>	<i>28.000.000</i>
Tổng cộng	114.986.600.211	120.544.984.756

Các loại Công cụ tài chính

Tại ngày 31/12/2013 Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và Nợ phải trả tài chính do Thông tư 210/2009/TT - BTC ngày 06/11/2009 của Bộ Tài chính cũng như các qui định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc này. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và Thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả giá trị hợp lý nhằm phù hợp với Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

30. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP)

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất, rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm chung đối với việc thiết lập và vận hành các chính sách nhằm kiểm soát rủi ro (phát hiện, ngăn ngừa và hạn chế ảnh hưởng của các rủi ro).

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá, lãi suất, giá hàng hóa và rủi ro về giá khác như giá cổ phần. Mục tiêu của việc quản lý rủi ro thị trường là quản lý và kiểm soát mức độ rủi ro trong giới hạn chấp nhận được trong khi vẫn tối đa hóa lợi nhuận.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Năm 2013, Công ty có thực hiện một số giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Công ty không thực hiện biện pháp đảm bảo do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Rủi ro thị trường (tiếp)

Quản lý rủi ro tỷ giá (tiếp)

Giá trị ghi sổ của các tài sản bằng tiền và công nợ phải trả có gốc ngoại tệ tại thời điểm 31/12/2013 như sau:

	Công nợ		Tài sản	
	31/12/2013	01/01/2013	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND	VND	VND
Đô la Mỹ (USD)	-	-	4.507.551	4.444.835
Đồng Franc Thụy Sĩ (CHF)	1.503.368.359	2.504.944.963	-	-

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất chủ yếu phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Công ty chịu rủi ro lãi suất khi Công ty vay vốn theo lãi suất thả nổi và lãi suất cố định. Rủi ro này sẽ được Công ty quản trị bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay lãi suất cố định và lãi suất thả nổi.

Quản lý rủi ro về giá

Công ty có rủi ro về giá hàng hóa do thực hiện mua một số loại hàng hóa nhất định. Công ty quản lý rủi ro về giá hàng hóa thông qua việc theo dõi chặt chẽ các thông tin thị trường hàng hóa nhằm quản lý thời điểm mua hàng, kế hoạch kinh doanh và mức hàng tồn kho một cách hợp lý. Công ty chưa sử dụng các công cụ phái sinh đảm bảo để phòng ngừa các rủi ro về giá hàng hóa.

Ngoài ra, Công ty còn chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào công cụ vốn. Các khoản đầu tư vào công cụ vốn được nắm giữ không phải cho mục đích kinh doanh mà cho mục đích chiến lược lâu dài. Công ty không có ý định bán các khoản đầu tư này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

30. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP)

Quản lý rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (tiền gửi ngân hàng)

Mức độ rủi ro tín dụng tối đa đối với mỗi nhóm tài sản tài chính là giá trị ghi sổ của nhóm công cụ tài chính đó được trình bày trên bảng cân đối kế toán.

Phải thu khách hàng và phải thu khác

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách thiết lập chính sách tín dụng, cụ thể thông qua việc phân tích tín nhiệm với các khách hàng để xác định các điều khoản thanh toán trong hợp đồng. Các khách hàng không được thông qua xếp hạng tín nhiệm chỉ có thể giao dịch với Công ty với điều kiện thanh toán trước. Bên cạnh đó, các khoản phải thu của Công ty chiếm tỷ trọng lớn là số dư với các bên liên quan. Do đó, Công ty đánh giá rủi ro tín dụng là thấp.

Rủi ro tín dụng (tiếp)

Tiền gửi ngân hàng

Các khoản tiền gửi ngân hàng được quản lý tại các ngân hàng được nhiều người biết đến tại Việt Nam. Ban Giám đốc nhận thấy không có một khoản thiệt hại nào đối với kết quả hoạt động của các tổ chức tín dụng này.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các khoản nợ phải trả tài chính theo thời hạn thanh toán. Số liệu trình bày trên cơ sở dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả, bao gồm các khoản gốc và tiền lãi.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

30. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP)

Quản lý rủi ro thanh khoản (tiếp)

31/12/2013	Dưới 1 năm VND	1 năm trở lên VND	Tổng VND
Công nợ tài chính			
Các khoản vay	7.714.000.000	32.057.310.416	39.771.310.416
Phải trả người bán và phải trả khác	61.521.780.992	12.156.904.039	73.678.685.031
Chi phí phải trả	368.604.764	-	368.604.764
Công nợ tài chính khác	1.168.000.000	-	1.168.000.000
<i>Ký quỹ đặt cọc</i>	<i>1.168.000.000</i>	<i>-</i>	<i>1.168.000.000</i>
Tổng cộng	69.604.385.756	44.214.214.455	114.986.600.211

01/01/2013	Dưới 1 năm VND	Từ 1-5 năm VND	Tổng VND
Các khoản vay	4.660.000.000	10.042.064.526	14.702.064.526
Phải trả người bán và phải trả khác	105.305.792.230	-	105.305.792.230
Chi phí phải trả	509.128.000	-	509.128.000
Công nợ tài chính khác	-	28.000.000	28.000.000
<i>Ký quỹ đặt cọc</i>	<i>-</i>	<i>28.000.000</i>	<i>28.000.000</i>
	110.474.920.230	10.042.064.526	120.544.984.756

Bảng sau đây trình bày chi tiết tài sản tài chính theo mức đáo hạn. Số liệu được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu, bao gồm các khoản gốc và tiền lãi.

31/12/2013	Dưới 1 năm VND	1 năm trở lên VND	Tổng VND
Tài sản tài chính			
Tiền và các khoản tương đương tiền	159.263.653.067	-	159.263.653.067
Phải thu khách hàng và phải thu khác	62.535.647.773	-	62.535.647.773
Đầu tư dài hạn	-	751.500.000	751.500.000
	221.799.300.840	751.500.000	222.550.800.840

01/01/2013	Dưới 1 năm VND	1 năm trở lên VND	Tổng VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	121.113.407.238	-	121.113.407.238
Phải thu khách hàng và phải thu khác	72.735.159.010	-	72.735.159.010
Đầu tư dài hạn	-	751.500.000	751.500.000
	193.848.566.248	751.500.000	194.600.066.248

Ban Giám đốc đánh giá mức độ tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

31. THÔNG TIN VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

31.1 GIAO DỊCH CÁC BÊN LIÊN QUAN

	Giá trị nhận về VND	Giá trị trả đi VND
1 Công ty Vận tải Hành khách Đường sắt Sài Gòn	483.386.302.000	410.031.993.000
2 Công ty TNHH MTV Vận tải Hàng hóa Đường sắt	11.665.350.323	130.667.581

	Chi phí VND
1 Liên hiệp sức kéo Đường sắt	561.743.431.000
Chi phí thuê đầu máy	609.526.000.000
2 Ban tài chính kế toán Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam	6.038.574.232
Chi phí lãi vay	6.038.574.232

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

31. THÔNG TIN VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP)

31.2 SÓ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

	31/12/2013 VND	01/01/2013 VND
Các khoản phải thu ngắn hạn		
Xí nghiệp Toa xe Sài Gòn	398.741.154	51.240.000
Nhà Máy Xe Lửa Gia Lâm	400.585.364	353.665.831
Công ty CP Toa xe Hải Phòng	32.161.800	49.319.380
Công ty Cổ phần DV Đường sắt Khu vực I	44.484.000	-
Xí nghiệp vận dụng toa xe hàng Hà Nội	101.266.000	16.991.700
Xí nghiệp toa xe hàng Hà Nội	62.700.000	-
Công ty Vận tải Hành khách Đường sắt Sài Gòn	38.936.560.513	38.936.560.513
Công ty Quản lý Đường sắt Hà Hải	130.000.000	-
Công ty CP Thương mại Đường sắt	-	192.618.800
Công ty CP TCT Công trình Đường sắt	259.380.000	-
Xí nghiệp Đầu máy Đà Nẵng	44.160.000	44.160.000
Xí nghiệp Đầu máy Hà Nội	16.387.586	-
Xí nghiệp Đầu máy Vinh	99.594.000	-
Chi nhánh Công ty Dịch vụ Đường sắt Hải Phòng	-	9.240.000
Công ty TNHH MTV Xe Lửa Di An	-	20.351.839
Công ty CP VT & TM Đường Sắt	520.481.500	393.341.300
Công ty TNHH MTV Vận tải Hàng hóa Đường sắt	389.728.284	-
Công ty TNHH MTV Đường sắt phía nam	39.644.000	-
Công ty CP Vật tư Đường sắt Sài Gòn	180.992.986	-
Công ty CP Dịch vụ Đường sắt Thống Nhất	201.600.000	-
Ga Sóng Thần	57.211.000	-
Xí nghiệp Liên hiệp Công trình Đường sắt	19.333.000	-
Công ty TNHH MTV Quản lý Đường sắt Vinh Phú	56.360.000	-
Các khoản phải thu dài hạn		
Liên hiệp Súc kéo Đường sắt	25.713.400.452	25.713.400.452
Phải thu nội bộ		
Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam	92.822.008.006	92.844.997.004

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

31. THÔNG TIN VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP)

31.2 SƠ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP)

	31/12/2013 VND	01/01/2013 VND
Các khoản phải trả ngắn hạn		
Công ty TNHH MTV Vận tải Hàng hóa Đường Sắt	26.086.500	18.705.785
Xí nghiệp toa xe Đà Nẵng	3.609.100	-
Xí nghiệp Toa xe Sài Gòn	-	805.338.878
Xí nghiệp Toa xe Hàng Sài Gòn	224.005.368	106.708.525
Công ty TNHH TM & DV Vận tải Đường sắt Bắc Nam	8.470.000	-
Báo Đường sắt Việt Nam	75.570.000	45.410.000
Xí nghiệp Dịch vụ Vận tải & Kinh doanh Tổng hợp Đường sắt Sài Gòn	49.839.500	79.838.000
Ga Sóng Thần	885.974.500	-
Công ty CP Vận tải & Thương mại Đường sắt	-	60.964.200
Công ty CP Toa xe Hải Phòng	3.639.763.600	5.930.521.400
Liên hiệp Sức kéo Đường sắt	-	44.632.337.365
Văn phòng Đường sắt Việt Nam	-	28.669.932
Xí nghiệp Cao su Đường sắt	1.094.754.645	666.098.272
Công ty TNHH MTV Xe Lửa Dĩ An	540.378.863	153.236.503
Xí nghiệp Đầu máy Hà Nội	444.650.705	590.441.038
Công ty In Đường sắt	76.807.500	8.030.000
Xí nghiệp Vật tư Đường sắt Hà Ninh	-	13.570.000
Nhà máy Xe lửa Gia Lâm	1.807.806.618	2.388.975.272
Công ty Cổ phần Vật tư Thiết bị Đường sắt	-	571.601.188
Công ty Toa xe Dĩ An	26.049.100	328.130.000
Xí nghiệp Toa xe Hàng Hà Nội	1.098.997.900	613.696.600
Công ty Vật tư đường sắt Sài Gòn	488.540.870	-
Công ty CP chế tạo máy Dĩ An	515.318.900	-
Khách sạn Ga Sài Gòn	142.236.000	-
Công ty Quản lý Đường sắt Nghệ Tĩnh	105.352.000	-
Công ty TNHH MTV GNVC Đường Sắt Sài Gòn Ratraco	84.700.000	-
Công ty Vận tải Hành khách Đường sắt Sài Gòn	7.868.014.725	-
Phải trả dài hạn nội bộ		
Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam	2.990.450.995	100.393.619.691
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác		
Ban Quản lý Dự án Khu vực I	-	227.003.035
Công ty TNHH MTV Vận tải Hàng hóa Đường sắt	-	11.144.954.458

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

32. THÔNG TIN KHÁC

32.1 TỔ CHỨC LẠI CÁC CÔNG TY VẬN TẢI ĐƯỜNG SẮT TRONG TỔNG CÔNG TY ĐƯỜNG SẮT VIỆT NAM

Theo Quyết định số 274/QĐ - ĐS ngày 21/03/2014 của Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam về việc “Phê duyệt phương án sắp xếp, tổ chức lại các Công ty Vận tải Đường sắt trong Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam”, chuyển nguyên trạng các đơn vị của Công ty TNHH MTV Vận tải Hàng hóa Đường sắt dưới đây về Công ty Vận tải Hành khách Đường sắt Hà Nội:

- Xí nghiệp Vận dụng Toa xe Hàng Hà Nội;
- Chi nhánh Vận tải Container Hà Nội;
- Chi nhánh Vận tải Hàng hóa Đường sắt Hải Phòng;
- Chi nhánh Vận tải Hàng hóa Đường sắt Bim Sơn;
- Chi nhánh Vận tải Hàng hóa Đường sắt Đồng Đăng;
- Chi nhánh Vận tải Hàng hóa Đường sắt Lào Cai;
- Trạm Vận tải Hàng hóa Đường sắt Đông Hà thuộc Chi nhánh Vận tải Hàng hóa Đường sắt Đà Nẵng và Tổ Vận tải Hàng hóa Đường sắt Văn Xá thuộc Trạm Vận tải Hàng hóa Đường sắt Đông Hà;
- Các phòng: Tổng hợp, Tổ chức Cán bộ - Lao động, Tài chính Kế toán - Kiểm thu, Kỹ thuật Toa xe và Thiết bị, Kinh doanh, Kế hoạch đầu tư, An toàn vận tải và Bảo vệ An ninh Quốc phòng.

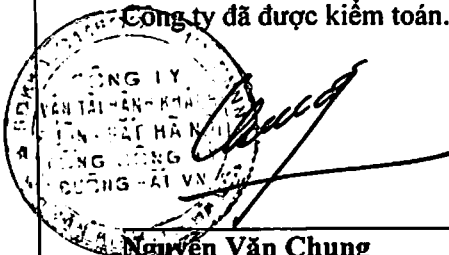
Theo Quyết định số 275/QĐ - ĐS ngày 21/03/2014 của Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam về việc “Phê duyệt phương án chấm dứt hoạt động của Liên hiệp Sức kéo Đường sắt - Chi nhánh Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam”, chuyển nguyên trạng các đơn vị của Liên hiệp Sức kéo Đường sắt về Công ty Vận tải Hành khách Đường sắt Hà Nội:

- Nhà máy Xe lửa Gia Lâm;
- Xí nghiệp Cao su Đường sắt;
- Xí nghiệp Đầu máy Hà Nội;
- Xí nghiệp Đầu máy Yên Viên;
- Xí nghiệp Đầu máy Vinh;
- Các phòng: Nhân sự Hành chính, Tài chính Kế toán, Kỹ thuật, Vận dụng, Kế hoạch - Thống kê, An toàn - Bảo vệ An ninh Quốc phòng.

Việc thực hiện bàn giao được thực hiện theo nguyên tắc bàn giao nguyên trạng vốn và tài sản từ các đơn vị trên về Công ty Vận tải Hành khách Đường sắt Hà Nội, thời điểm bàn giao từ 0h00 ngày 01/04/2014.

32.2 SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012 của Công ty đã được kiểm toán.



Nguyễn Văn Chung
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 02 tháng 06 năm 2014

Hồ Minh Châu
Kế toán trưởng

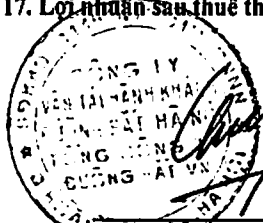
Đới Văn Toàn
Người lập biểu

Phu-luc 01:

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (HOẠT ĐỘNG VẬN TẢI)
TRƯỚC VÀ SAU ĐIỀU CHỈNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

Chi tiêu	Mã số	Năm 2013				Năm 2013	Năm 2012
		Trước điều chỉnh	Điều chỉnh	Sau điều chỉnh	Ảnh hưởng điều		
		số đơn vị VND	VND	VND	chỉnh năm 2012 VND	VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	1.692.616.121.014	-	1.692.616.121.014	-	1.692.616.121.014	1.670.059.056.124
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	57.775.553.546	-	57.775.553.546	-	57.775.553.546	54.004.921.365
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	1.634.840.567.468	-	1.634.840.567.468	-	1.634.840.567.468	1.616.054.134.759
4. Giá vốn hàng bán	11	1.417.686.874.319	-	1.417.686.874.319	-	1.417.686.874.319	1.399.166.676.077
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20	217.153.693.149	-	217.153.693.149	-	217.153.693.149	216.887.458.682
7. Chi phí tài chính	22	8.576.461.775	-	8.576.461.775	-	8.576.461.775	10.441.446.523
Trong đó: Chi phí lãi vay	23	8.576.461.775	-	8.576.461.775	-	8.576.461.775	13.328.592.792
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	240.785.092.737	-	240.785.092.737	-	240.785.092.737	234.665.140.105
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30	(32.207.861.363)	-	(32.207.861.363)	-	(32.207.861.363)	(28.219.127.946)
11. Thu nhập khác	31	194.049.566	-	194.049.566	-	194.049.566	707.527.499
12. Chi phí khác	32	133.650.548	-	133.650.548	-	133.650.548	53.622.273
13. Lợi nhuận khác	40	60.399.018	-	60.399.018	-	60.399.018	653.905.226
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50	(32.147.462.345)	-	(32.147.462.345)	-	(32.147.462.345)	(27.565.222.720)
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60	(32.147.462.345)	-	(32.147.462.345)	-	(32.147.462.345)	(27.565.222.720)



Nguyễn Văn Chung
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 02 tháng 06 năm 2014

[Signature]

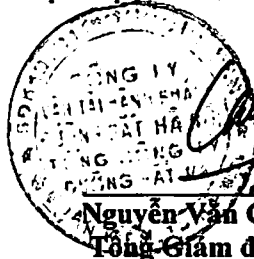
Hồ Minh Châu
Kế toán trưởng

[Signature]


Đới Văn Toàn
Người lập biểu


Phụ lục 02: BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (HOẠT ĐỘNG NGOÀI VẬN TẢI)
TRƯỚC VÀ SAU ĐIỀU CHỈNH
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

Chỉ tiêu	Mã số	Năm 2013				Năm 2013	Năm 2012
		Trước điều chỉnh	Điều chỉnh	Sau điều chỉnh	Ảnh hưởng điều chỉnh năm 2012		
		số đơn vị VND	VND	VND	VND	VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	200.778.352.561	(60.701.768)	200.717.650.793	-	200.717.650.793	216.514.510.257
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	200.778.352.561	(60.701.768)	200.717.650.793	-	200.717.650.793	216.514.510.257
4. Giá vốn hàng bán	11	185.873.436.371	(54.073.135)	185.819.363.236	-	185.819.363.236	202.272.459.547
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20	14.904.916.190	(6.628.633)	14.898.287.557	-	14.898.287.557	14.242.050.710
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	18.390.098	-	18.390.098	-	18.390.098	28.116.546
7. Chi phí tài chính	22	12.348.000	-	12.348.000	-	12.348.000	6.906.000
Trong đó: Chi phí lãi vay	23	12.348.000	-	12.348.000	-	12.348.000	6.906.000
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	14.121.650.414	-	14.121.650.414	-	14.121.650.414	13.325.834.473
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30	789.307.874	(6.628.633)	782.679.241	-	782.679.241	937.426.783
11. Thu nhập khác	31	73.572.429	-	73.572.429	-	73.572.429	29.278.218
12. Chi phí khác	32	3.009.657	-	3.009.657	-	3.009.657	4.361.331
13. Lợi nhuận khác	40	70.562.772	-	70.562.772	-	70.562.772	24.916.887
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50	859.870.646	(6.628.633)	853.242.013	-	853.242.013	962.343.670
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	199.030.992	(1.325.877)	197.705.115	-	197.705.115	229.694.290
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60	660.839.654	(5.302.756)	655.536.898	-	655.536.898	732.649.380


 Nguyễn Văn Chung
 Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 02 tháng 06 năm 2014


 Hồ Minh Châu
 Kế toán trưởng


 Đới Văn Toàn
 Người lập biểu